

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 22-9-2017

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLPT-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 47/2017/HN-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2017/QĐ-PT, ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: Số nhà 159, tổ 12, ấp X, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông B, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: Số nhà 159, tổ 12, ấp X, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt).

- Người kháng cáo: Ông B – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn A trình bày: Do mai một và được hai bên gia đình đồng ý nên bà A và ông B kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, thị xã Y1 (nay là thành phố Y1), tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/8/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông B thường ghen tuông vô cớ và đánh đập bà A. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02

người con chung là C, sinh ngày 13/5/1994 và D, sinh ngày 03/01/2001. Hiện cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông B, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, sinh ngày 03/01/2001, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 21/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn B trình bày:* Ông B thông nhất với lời trình bày của bà A về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A. Trong trường hợp Tòa án quyết định cho bà A được ly hôn thì ông B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, sinh ngày 03/01/2001, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 47/2017/HN-ST ngày 17/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 28, 39, 69, 147, 186 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Bà A được ly hôn với ông B.

Buộc ông B giao con chung là D, sinh ngày 03/01/2001 cho bà A nuôi dưỡng. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu C đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền thăm nom, chăm sóc con chung của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung; về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 24/7/2017 bị đơn B kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Không đồng ý ly hôn với bà A vì ông B còn yêu thương vợ con. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Trươn Công B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ vì vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Ông B xác định vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Nguyên đơn A không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông B yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo bị đơn B; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/7/2017 bị đơn B kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của ông B được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo ông B không đồng ý ly hôn với bà A. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông B bà A kết hôn năm 1992, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo bà A khai là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông B hay ghen tuông vô cớ và có đánh đập vợ. Trước đây bà A có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly nhưng sau đó rút lại đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành nay bà A tiếp tục yêu cầu được ly hôn với ông B. Bị đơn B khai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm sóc con chung. Xét thấy, công việc chính của bà A là buôn bán dưa thường xuyên vắng nhà, do đó vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2017 ông Đ – Cán bộ Tư pháp Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Y khai vợ chồng ông B bà A có mâu thuẫn do ông B ghen tuông bà A với người tài xế đi cùng bà A. Tại phiên tòa bà A xác định vợ chồng đã có Dấu mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, bà A cương quyết ly hôn với ông B, xét thấy mâu thuẫn giữa bà A với ông B đã trầm trọng, không thể hàn gắn do Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông B là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo ông B, tuyên xử cho bà A được ly hôn với ông B.

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận ông B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các quyết định khác của án sơ thẩm giao cháu D cho bà A nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con; về quyền thăm nom, chăm sóc con chung của người không trực tiếp nuôi con; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn B. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 47/2017/HN-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Tuyên xử cho bà A được ly hôn với ông B.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm giao cháu D cho bà A nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con; về quyền thăm nom, chăm sóc con chung của người không trực tiếp nuôi con; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Buộc ông B phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002807 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Ông B đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND TPVL; 01;
- Chi cục THADS TPVL ; 01;
- Đ/s: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư